Name: ..... Date..... Class..... – Day 7

PART 1: CHECK YOUR VOCABULARY

Vietnamese	English
1. bắt xe bus	.....
3. chơi đàn ghi ta	.....
5. chơi đàn piano	.....
2. uống thuốc	.....
4. làm việc ở văn phòng	.....
6. nấu bữa tối	.....

LIVEWORKSHEETS